Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8806.91.00

Mã HS	8806.91.00
Mô tả hàng hóa	Phương tiện bay không người lái / - Loại khác: / - - Trọng lượng cất cánh tối đa không quá 250 g
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	02/11/2026 15:31:15
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/88069100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K17777
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N17777
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q17777
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17096
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17025
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17025
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17025
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17025
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17025
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17025
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17081
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17081

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17081
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17081
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17081
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17081
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17082
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17082
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17082
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17082
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17082
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17082
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17087
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17043
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17039
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17039
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17039
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17039
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17039
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17039
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17085
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17085
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17085
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17085
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17085
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17085
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17147
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17147

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17147
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17147
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17147
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17147
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17123
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17123
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17123
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17123
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17123
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17123
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17118
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17118
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17118
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17118
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17118
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17118
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17148
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17148
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17148
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17148
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17148
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17148
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17147
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17147
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17147
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17147

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17147
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17147
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17241
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17241
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17241
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17241
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17241
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17241
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17241
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17110
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17110
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17110
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17110
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17110
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17110
RCEP B	2022	2022	0	B!D17110
RCEP B	2023	2023	0	B!E17110
RCEP B	2024	2024	0	B!F17110
RCEP B	2025	2025	0	B!G17110
RCEP B	2026	2026	0	B!H17110
RCEP B	2027	2027	0	B!I17110
RCEP C	2022	2022	0	C!D17108
RCEP C	2023	2023	0	C!E17108
RCEP C	2024	2024	0	C!F17108
RCEP C	2025	2025	0	C!G17108
RCEP C	2026	2026	0	C!H17108

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I17108
RCEP D	2022	2022	0	D!D17107
RCEP D	2023	2023	0	D!E17107
RCEP D	2024	2024	0	D!F17107
RCEP D	2025	2025	0	D!G17107
RCEP D	2026	2026	0	D!H17107
RCEP D	2027	2027	0	D!I17107
RCEP E	2022	2022	0	E!D17111
RCEP E	2023	2023	0	E!E17111
RCEP E	2024	2024	0	E!F17111
RCEP E	2025	2025	0	E!G17111
RCEP E	2026	2026	0	E!H17111
RCEP E	2027	2027	0	E!I17111
RCEP F	2022	2022	0	F!D17110
RCEP F	2023	2023	0	F!E17110
RCEP F	2024	2024	0	F!F17110
RCEP F	2025	2025	0	F!G17110
RCEP F	2026	2026	0	F!H17110
RCEP F	2027	2027	0	F!I17110
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16047
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16047
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16047
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16047

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 8806.91.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 8806.91.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8806.91.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8806.91.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N17777), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.